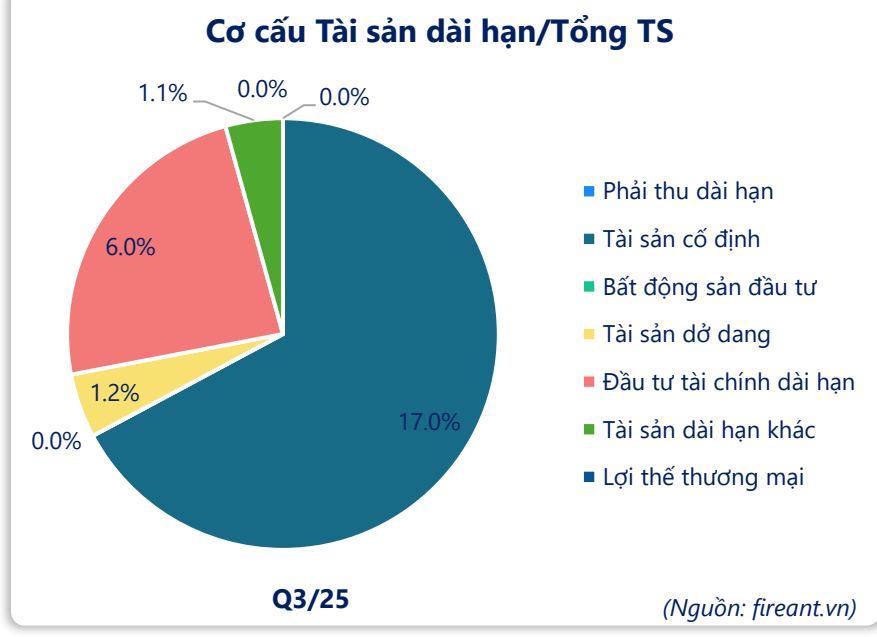
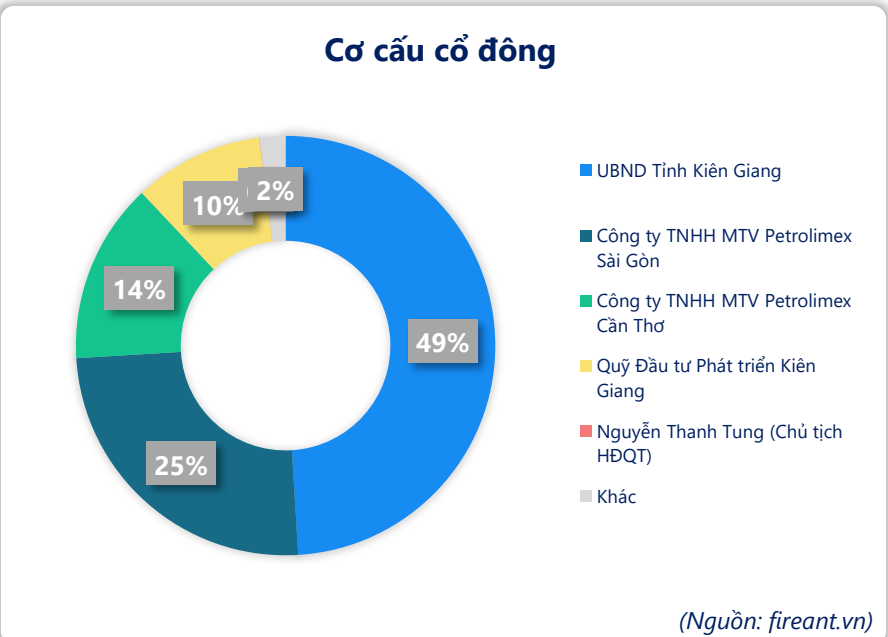
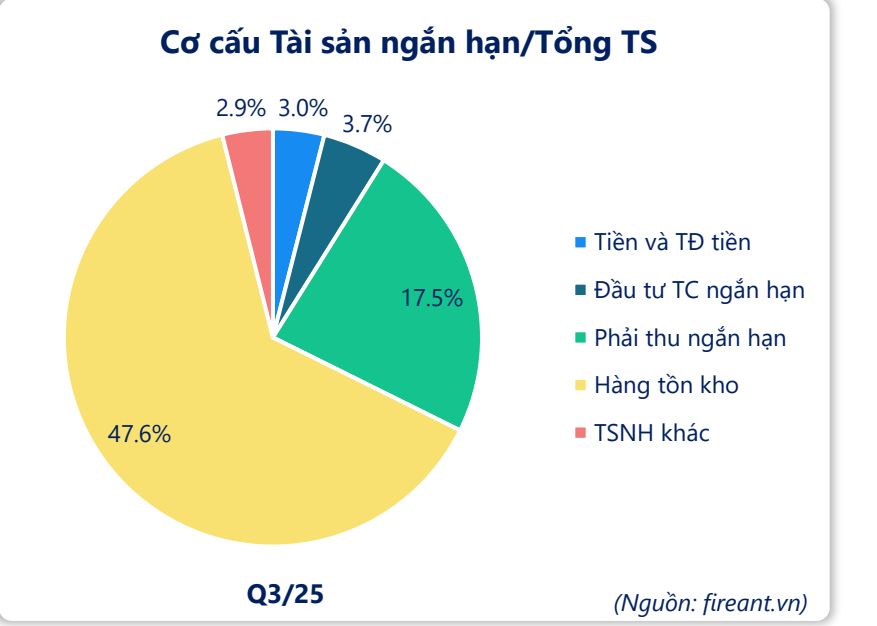
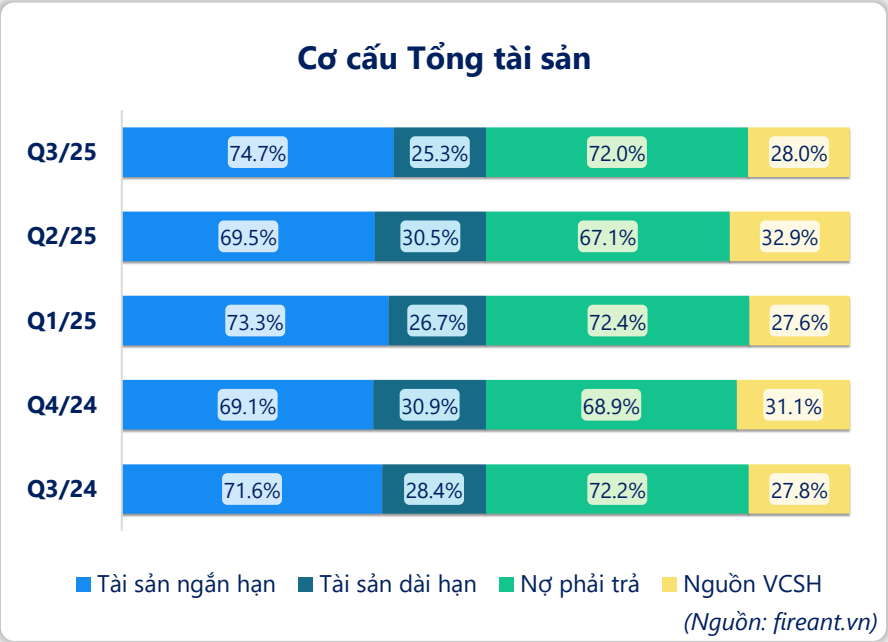
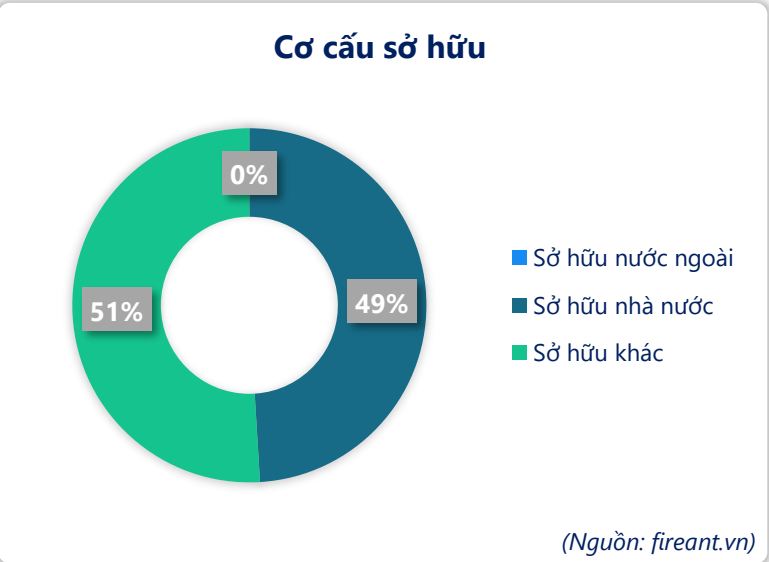
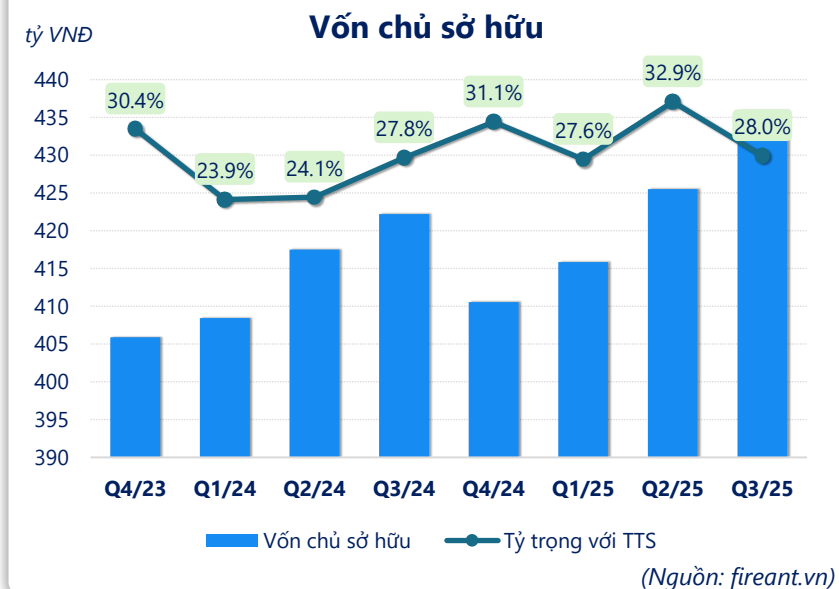
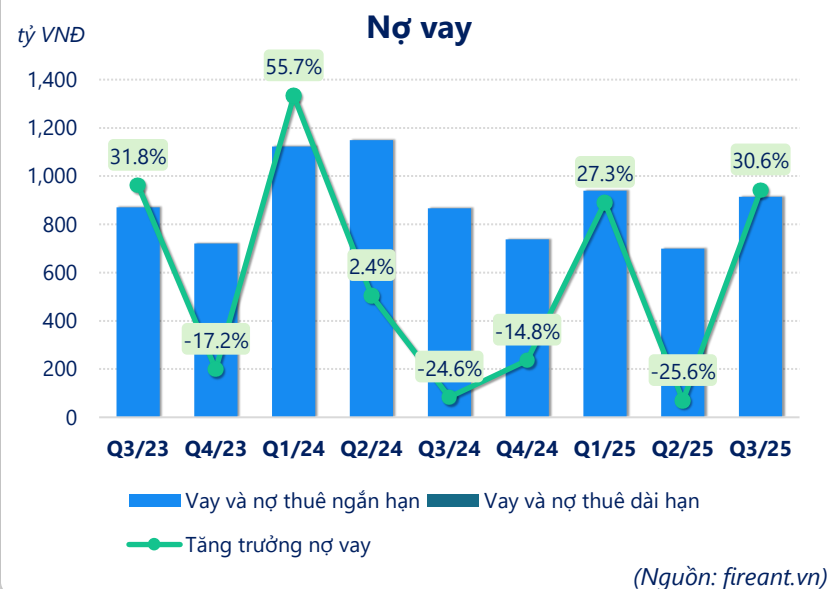
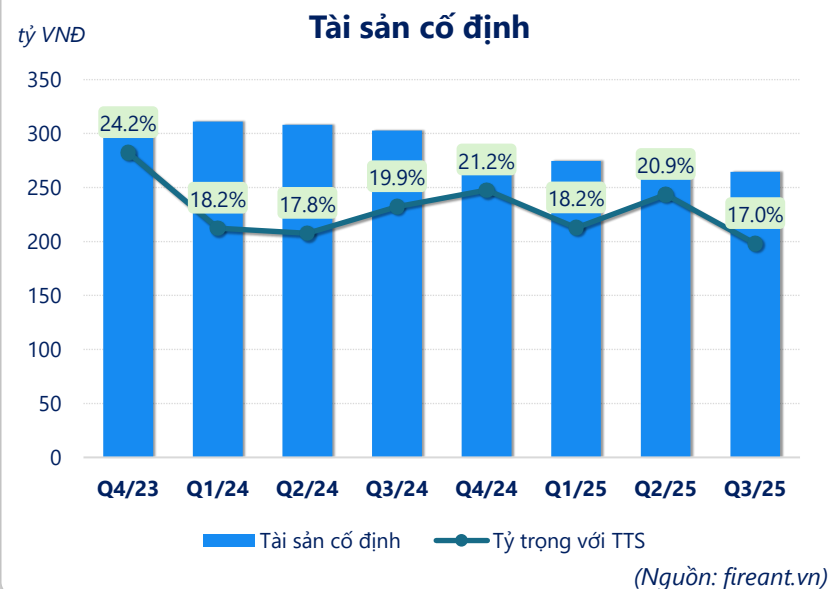
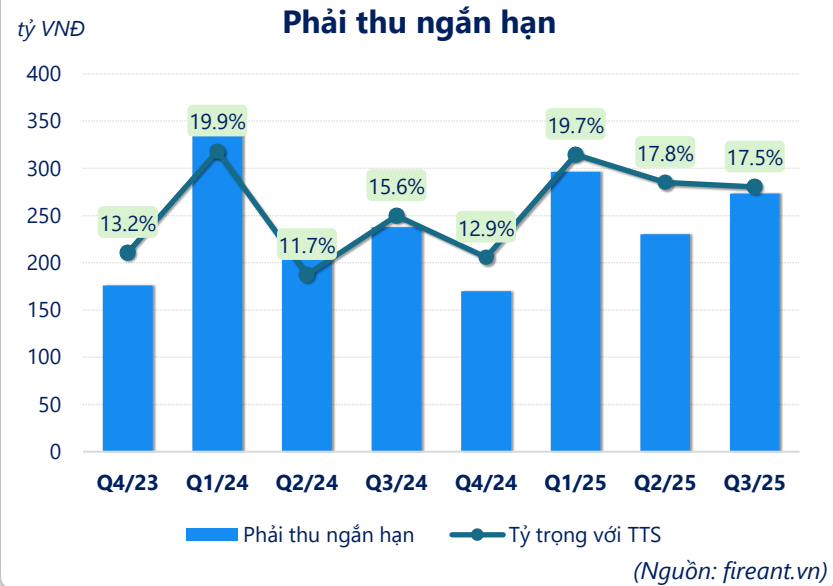
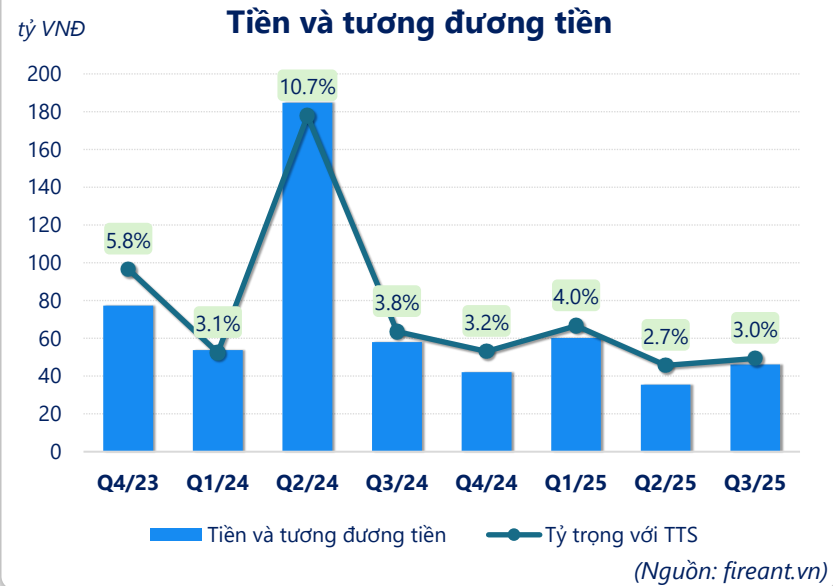
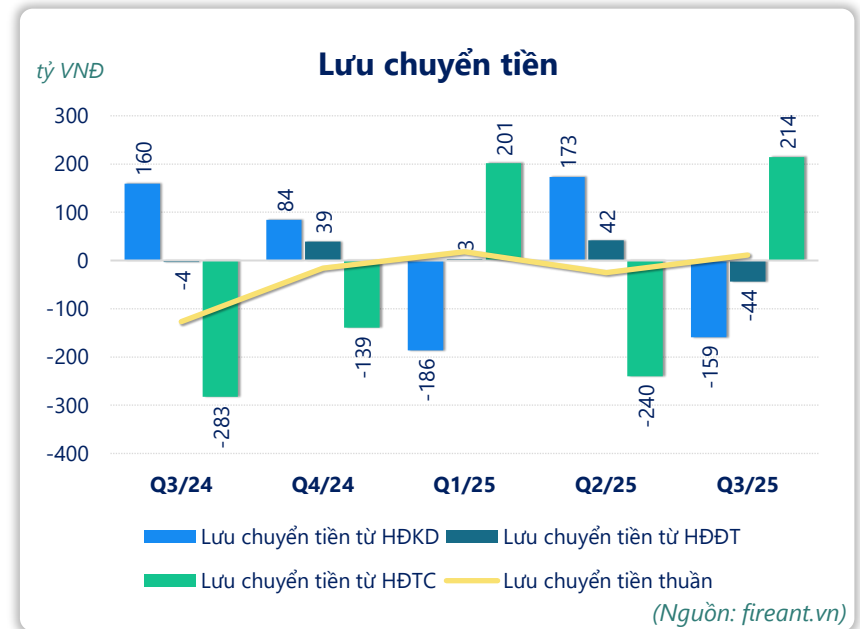
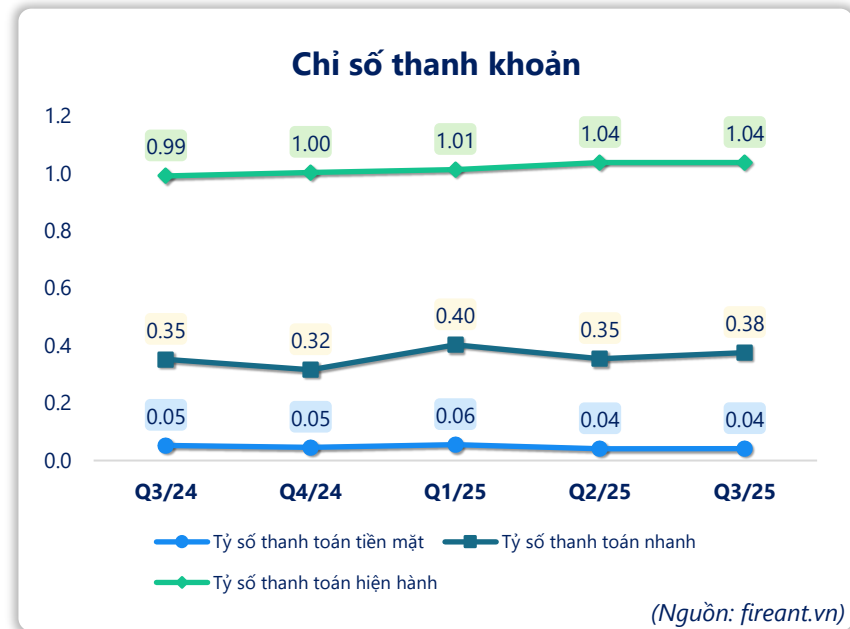
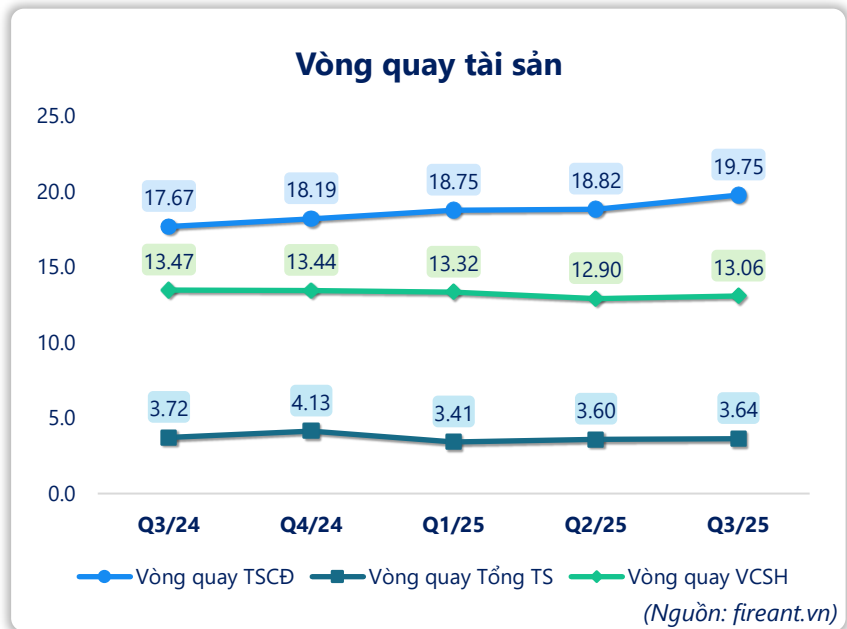
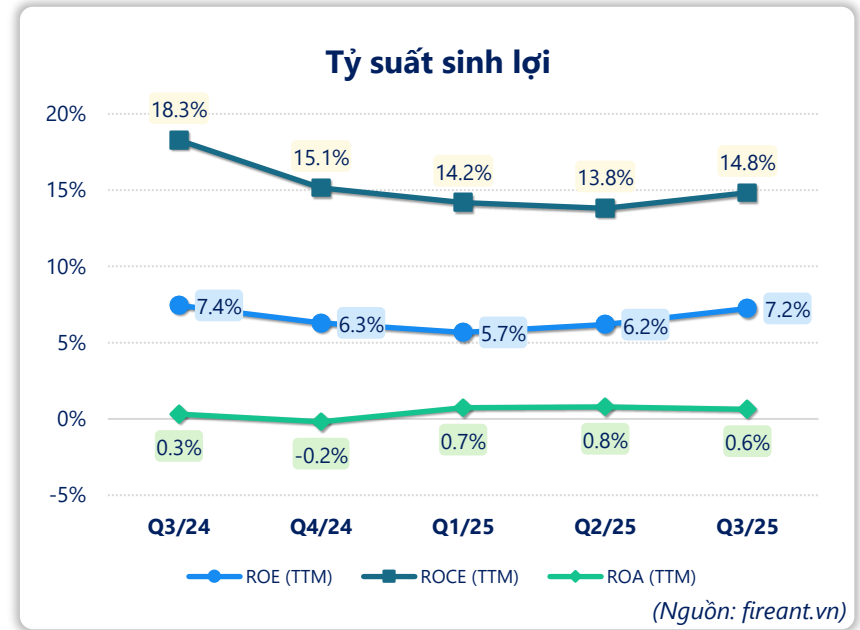
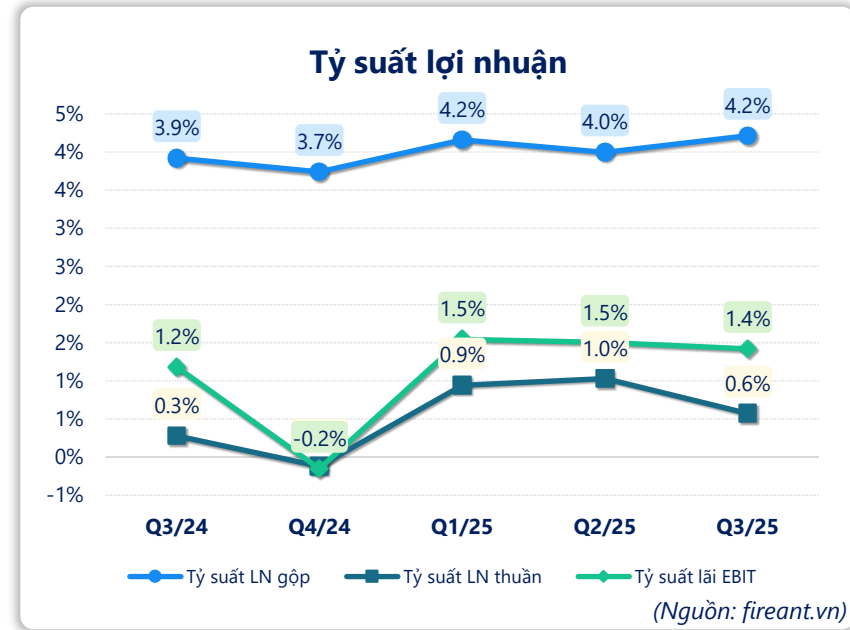
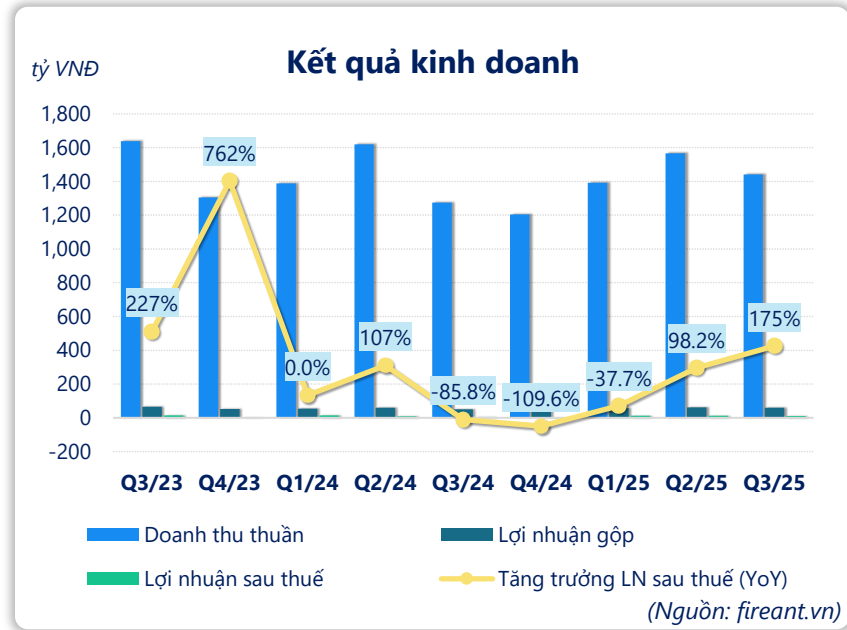


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		11,657
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,257
SL cổ phiếu LH		36,473,833
KLGD BQ 20 phiên (CP)		45
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		354
P/E		11.4
EPS		852

	YTD	1T	3T	6T
KTC	-9.3%	5.4%	0.0%	9.0%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,559	1,321	18.0%
Tài sản ngắn hạn	1,165	913	27.6%
Tiền và tương đương tiền	46.2	42.3	9.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	57.5	56.7	1.4%
Phải thu ngắn hạn	273	170	60.6%
Hàng tồn kho	743	626	18.7%
Tài sản ngắn hạn khác	45.5	18.7	144%
Tài sản dài hạn	394	408	-3.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	265	279	-5.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	19.0	20.6	-8.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	93.4	91.5	2.1%
Tài sản dài hạn khác	16.9	17.0	-0.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,123	911	23.3%
Nợ ngắn hạn	1,123	911	23.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	914	738	23.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	75.5	59.0	28.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	436	410	6.2%
Vốn chủ sở hữu	436	410	6.2%
Vốn điều lệ	365	365	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	1,274	1,205	1,392	1,567	1,441
Giá vốn hàng bán	1,224	1,160	1,334	1,504	1,380
Lợi nhuận gộp	49.9	45.1	57.9	62.6	60.7
Doanh thu HĐTC	5.10	6.18	3.58	10.9	3.08
Chi phí TC	13.6	3.09	9.20	15.6	10.3
Chi phí lãi vay	9.94	0.71	8.33	8.64	9.74
LN trong công ty LKLD	1.58	1.60	5.27	1.30	8.06
Chi phí bán hàng	29.3	27.8	32.7	31.5	35.7
Chi phí QLDN	10.2	23.4	11.8	11.6	17.7
LN thuần từ HĐKD	3.56	-1.44	13.1	16.1	8.21
Lợi nhuận khác	1.55	-1.10	0.05	-1.24	2.49
LN trước thuế	5.11	-2.54	13.2	14.9	10.7
Lợi nhuận sau thuế	4.79	-2.44	11.8	12.0	9.81
LNST của CĐ cty mẹ	4.78	-2.45	11.8	11.9	9.80

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	160	84.4	-186	173	-159
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.53	39.0	3.00	41.6	-43.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-283	-139	201	-240	214
Tiền đầu kỳ	185	58.0	42.1	60.2	36.9
Lưu chuyển tiền thuần	-127	-15.9	18.2	-25.1	11.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0	0
Tiền cuối kỳ	58.0	42.1	60.2	36.9	46.2

(Nguồn: fireant.vn)